

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 13 - 36 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Yến Sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh thành công ty cổ phần.

Trước đó, Công ty TNHH Một thành viên Nước giải khát cao cấp Yến sào Diên Khánh được thành lập theo Quyết định số 2150/QĐ-YS ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201624478, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Yến Sào Khánh Hòa chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 09 tháng 9 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 1 ngày 09 tháng 9 năm 2016 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh lần thứ hai ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Điều chỉnh lần thứ ba ngày 10 tháng 7 năm 2019 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Điện thoại : 0258 3745 601
- Fax : 0258 3745 605

Văn phòng đại diện :

- Địa chỉ : Lô 7-9 Đường A1, 84 đường B1, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống không cồn, rượu, bia;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống không cồn, rượu, bia;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khai thác tài nguyên yến sào;
- Nuôi chim Yến.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------------|--------------|-----------------------------------|
| Bà Trịnh Thị Hồng Vân | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017 |
| Ông Huỳnh Bá | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2016 |
| Ông Nguyễn Khoa Bảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2016 |
| Ông Lê Hồng Thuận | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2016 |
| Bà Vương Phạm Phương Thanh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2018 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|-----------------------------------|
| Bà Vũ Trần Nguyên Minh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2016 |
| Ông Hồ Hải | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Phạm Duy Hưng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2018 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|--------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Khoa Bảo | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2016 |
| Bà Phan Thị Giang | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Đặng Minh Thích | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016 |
| Ông Phạm Quốc Hùng | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2018 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là bà Trịnh Thị Hồng Vân – Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2017).

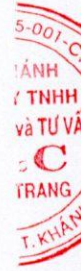
Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 3.0122/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Yến Sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Nha Trang



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2018-008-1

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2021

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 546.536.255.633 | 462.130.007.708 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 45.387.111.284 | 16.086.397.317 |
| 1. Tiền | 111 | | 43.158.587.682 | 13.961.706.113 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 2.228.523.602 | 2.124.691.204 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 159.821.592.029 | 125.809.742.317 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 155.325.121.381 | 120.601.936.767 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 3.280.701.094 | 2.589.632.826 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 1.215.769.554 | 2.618.172.724 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | - | - |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 338.857.339.536 | 317.881.742.190 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.5 | 338.857.339.536 | 317.881.742.190 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 2.470.212.784 | 2.352.125.884 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.6a | 1.893.581.204 | 1.832.242.418 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | 3.706.000 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 576.631.580 | 516.177.466 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 138.302.728.964 | 151.956.585.710 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 87.000.000 | 50.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 87.000.000 | 50.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 68.260.446.432 | 74.355.829.171 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 64.878.728.432 | 70.929.111.171 |
| - Nguyên giá | 222 | | 135.062.805.508 | 128.533.650.459 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (70.184.077.076) | (57.604.539.288) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 3.381.718.000 | 3.426.718.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 3.482.968.000 | 3.482.968.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (101.250.000) | (56.250.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.023.972.182 | 201.925.091 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.9 | 1.023.972.182 | 201.925.091 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 68.931.310.350 | 77.348.831.448 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.6b | 68.931.310.350 | 77.348.831.448 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 684.838.984.597 | 614.086.593.418 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 370.939.423.470 | 302.002.729.105 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 370.939.423.470 | 302.002.729.105 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 127.565.310.679 | 122.191.465.922 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 1.133.440.878 | 1.547.026.732 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 13.958.703.992 | 6.885.991.032 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.13 | 81.108.694.631 | 58.820.659.235 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 15.822.957.707 | 8.438.496.165 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15 | 6.394.382.695 | 5.648.956.414 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16 | 86.143.955.100 | 83.502.381.638 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 38.811.977.788 | 14.967.751.967 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

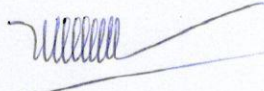
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

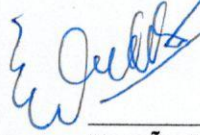
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 313.899.561.127 | 312.083.864.313 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 313.899.561.127 | 312.083.864.313 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.18 | 230.000.000.000 | 230.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 230.000.000.000 | 230.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.18 | 3.350.161.370 | 3.350.161.370 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.18 | 15.558.791.433 | 10.391.565.254 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.18 | 64.990.608.324 | 68.342.137.689 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | - | 68.342.137.689 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 64.990.608.324 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 684.838.984.597 | 614.086.593.418 |

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2021


Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng


Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc


Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.847.297.304.555 | 2.148.001.469.991 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 5.704.444.191 | 4.421.004 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.841.592.860.364 | 2.147.997.048.987 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 1.503.687.446.493 | 1.814.852.921.393 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 337.905.413.871 | 333.144.127.594 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 449.311.420 | 340.258.173 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 7.852.386.473 | 10.035.121.627 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 6.621.001.566 | 9.312.221.649 |
| 8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 162.692.337.963 | 161.909.625.806 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 59.663.251.262 | 59.033.299.185 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 108.146.749.593 | 102.506.339.149 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 392.824.423 | 165.094.259 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 511.670.096 | 269.440.253 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (118.845.673) | (104.345.994) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 108.027.903.920 | 102.401.993.155 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.12 | 21.409.766.930 | 19.043.011.774 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 86.618.136.990 | 83.358.981.381 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 86.618.136.990 | 83.358.981.381 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11 | 2.902 | 2.802 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | 2.902 | 2.802 |

Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc

Trần Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật



Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 108.027.903.920 | 102.401.993.155 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.7, V.8 | 12.624.537.788 | 12.890.076.417 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4 | (405.173.773) | (241.070.301) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 6.621.001.566 | 9.312.221.649 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 126.868.269.501 | 124.363.220.920 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (33.780.563.099) | (80.408.127.184) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | V.5 | (20.975.597.346) | 26.040.439.153 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 40.303.649.790 | 36.579.661.959 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | V.6 | 8.356.182.312 | 5.187.056.417 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | VI.5 | (6.621.001.566) | (9.312.221.649) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.12 | (16.274.655.638) | (20.815.899.111) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.17 | 200.000.000 | 200.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.17 | (4.725.271.882) | (16.027.840.364) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 93.351.012.072 | 65.806.290.141 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (10.655.045.340) | (16.694.495.426) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.4 | 405.173.773 | 241.070.301 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (10.249.871.567) | (16.453.425.125) |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

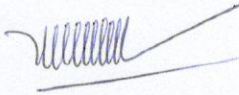
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.16 | 703.343.971.614 | 765.880.451.597 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.16 | (700.702.398.152) | (760.073.760.685) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.18 | (56.442.000.000) | (53.820.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (53.800.426.538) | (48.013.309.088) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 29.300.713.967 | 1.339.555.928 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 16.086.397.317 | 14.746.841.389 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 45.387.111.284 | 16.086.397.317 |

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2021


Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng


Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc


Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chỉ có Công ty con là Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|---|---|--|---------------|------------------------|
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (*) | Lô NM5, NM6 đường số 1, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa | Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam (*) | Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa (*) | Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa | Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến | 100% | 100% |

(*) Các công ty này chưa phát sinh số liệu kế toán do đang trong quá trình thành lập.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.034 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 979 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí thương hiệu

Chi phí thương hiệu phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Tập đoàn không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 2.001.343.882 | 1.631.572.690 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 41.157.243.800 | 12.330.133.423 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 2.228.523.602 | 2.124.691.204 |
| Cộng | <u>45.387.111.284</u> | <u>16.086.397.317</u> |

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>139.293.621.893</i> | <i>110.216.866.479</i> |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 114.797.547.879 | 49.058.558.184 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | 13.542.575.059 | 40.171.925.214 |
| Cửa hàng tổng hợp - Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang | 10.532.240.356 | 16.807.128.966 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 223.144.250 | 1.609.066.778 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | 91.740.698 | 1.556.167.532 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa | 55.233.178 | 200.590.614 |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN | 37.596.943 | 737.106.351 |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 13.543.530 | 76.322.840 |
| Phải thu các khách hàng khác | 16.031.499.488 | 10.385.070.288 |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Phú Khánh | 9.765.847.096 | 9.765.847.096 |
| Các khách hàng khác | 6.265.652.392 | 619.223.192 |
| Cộng | <u>155.325.121.381</u> | <u>120.601.936.767</u> |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Huỳnh Long | 2.099.292.800 | - |
| Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ bao bì Tân Xuân | 420.750.000 | - |
| Công ty TNHH Xây Dựng Quốc Thành | 340.200.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa | - | 1.769.508.216 |
| Công ty TNHH Vĩnh Thành | - | 483.450.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 420.458.294 | 336.674.610 |
| Cộng | <u>3.280.701.094</u> | <u>2.589.632.826</u> |

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 35.621.100 | - | 797.530.727 | - |
| Công ty TNHH MTV Nhà máy nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa | 14.389.900 | - | 797.530.727 | - |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam | 10.615.600 | - | - | - |
| Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa | 10.615.600 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 1.180.148.454 | - | 1.820.641.997 | - |
| Tạm ứng | 799.905.053 | - | 1.674.831.212 | - |
| Bảo hiểm xã hội nộp thừa | 46.069.154 | - | - | - |
| Quỹ thưởng Ban điều hành | 9.057.527 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 325.116.720 | - | 145.810.785 | - |
| Cộng | <u>1.215.769.554</u> | - | <u>2.618.172.724</u> | - |

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 139.737.955.022 | - | 161.183.728.342 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 76.791.620.805 | - | 50.033.971.905 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 9.593.268.470 | - | 5.654.023.855 | - |
| Thành phẩm | 66.558.166.302 | - | 91.418.667.107 | - |
| Hàng hóa | 38.414.499.102 | - | 4.047.515.258 | - |
| Hàng gửi đi bán | 7.761.829.835 | - | 5.543.835.723 | - |
| Cộng | 338.857.339.536 | - | 317.881.742.190 | - |

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng | 1.827.250.897 | 1.765.333.331 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 66.330.307 | 66.909.087 |
| Cộng | 1.893.581.204 | 1.832.242.418 |

6b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lợi thế kinh doanh | 53.785.822.473 | 63.268.770.056 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 3.491.817.786 | 3.423.698.526 |
| Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng | 7.799.524.967 | 6.678.729.187 |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 3.852.232.350 | 3.955.177.566 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.912.774 | 22.456.113 |
| Cộng | 68.931.310.350 | 77.348.831.448 |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 17.571.421.328 | 95.234.954.996 | 14.882.060.241 | 651.013.894 | 194.200.000 | 128.533.650.459 |
| Mua trong năm | 145.026.945 | 3.434.025.064 | 2.679.969.546 | 270.133.494 | - | 6.529.155.049 |
| Phân loại lại tài sản | (129.232.000) | 129.232.000 | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 17.587.216.273 | 98.798.212.060 | 17.562.029.787 | 921.147.388 | 194.200.000 | 135.062.805.508 |

Trong đó:

| | | | | | | |
|---------------------------------|---------------|----------------|---------------|-------------|---|----------------|
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | 1.247.807.192 | 20.750.177.528 | 7.840.115.234 | 220.202.076 | - | 30.058.302.030 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|----------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--|---------------------------------|------------------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 9.862.233.761 | 35.882.430.153 | 11.524.459.895 | 322.205.479 | 13.210.000 | 57.604.539.288 |
| Khấu hao trong năm | 1.119.060.272 | 9.974.172.680 | 1.345.947.687 | 101.517.149 | 38.840.000 | 12.579.537.788 |
| Phân loại lại tài sản | (23.692.533) | 23.692.533 | - | - | - | - |
| Số cuối năm | <u>10.957.601.500</u> | <u>45.880.295.366</u> | <u>12.870.407.582</u> | <u>423.722.628</u> | <u>52.050.000</u> | <u>70.184.077.076</u> |

| | | | | | | |
|------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 7.709.187.567 | 59.352.524.843 | 3.357.600.346 | 328.808.415 | 180.990.000 | 70.929.111.171 |
| Số cuối năm | <u>6.629.614.773</u> | <u>52.917.916.694</u> | <u>4.691.622.205</u> | <u>497.424.760</u> | <u>142.150.000</u> | <u>64.878.728.432</u> |

Trong đó:

| | | | | | | |
|--------------------------|---|---|---|---|---|---|
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

8. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|--------------------|------------------------------|---|-----------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 3.257.968.000 | 225.000.000 | 3.482.968.000 |
| Số cuối năm | <u>3.257.968.000</u> | <u>225.000.000</u> | <u>3.482.968.000</u> |

Trong đó:

| | | | |
|------------------------------------|---|---|---|
| Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| Chờ thanh lý | - | - | - |

Giá trị hao mòn

| | | | |
|--------------------|-----------------|---------------------------|---------------------------|
| Số đầu năm | - | 56.250.000 | 56.250.000 |
| Khấu hao trong năm | - | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Số cuối năm | <u>-</u> | <u>101.250.000</u> | <u>101.250.000</u> |

Giá trị còn lại

| | | | |
|--------------------|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 3.257.968.000 | 168.750.000 | 3.426.718.000 |
| Số cuối năm | <u>3.257.968.000</u> | <u>123.750.000</u> | <u>3.381.718.000</u> |

Trong đó:

| | | | |
|-----------------------|---|---|---|
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng công trình Nhà máy tại cụm công nghiệp Sông Cầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 29.372.934.037 | 5.175.214.428 |
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa | 26.392.564.549 | - |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | 2.128.462.708 | 4.219.847.771 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | 851.906.780 | 905.195.227 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | - | 38.400.000 |
| Nhà máy thực phẩm Cao cấp Yến sào Khánh Hòa (trực thuộc Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa) | - | 11.771.430 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 98.192.376.642 | 117.016.251.494 |
| Công ty TNHH NHT | 24.961.770.666 | 4.385.020.750 |
| Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn | 8.025.326.991 | 11.483.852.372 |
| Các nhà cung cấp khác | 65.205.278.985 | 101.147.378.372 |
| Cộng | 127.565.310.679 | 122.191.465.922 |

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Quang | - | 1.220.940.951 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Anh Tùng | 232.061.400 | - |
| Công ty TNHH Cường Thịnh Nam Định | 234.337.159 | - |
| Hộ kinh doanh Lê Thị Ngọc | 186.346.618 | 1.334.357 |
| Các khách hàng khác | 480.695.701 | 324.751.424 |
| Cộng | 1.133.440.878 | 1.547.026.732 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong năm</u> | | <u>Số cuối năm</u> | |
|--|----------------------|--------------------|-------------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 5.339.681.608 | - | 89.762.837.101 | (87.820.857.783) | 7.281.660.926 | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - | 17.619.309.900 | (17.619.309.900) | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | - | 3.527.274.115 | (3.527.274.115) | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.541.931.774 | - | 21.409.766.930 | (16.274.655.638) | 6.677.043.066 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 516.177.466 | 9.847.754.208 | (9.908.208.322) | - | 576.631.580 |
| Thuế tài nguyên | 4.377.650 | - | 13.542.500 | (17.920.150) | - | - |
| Lệ phí môn bài | - | - | 13.000.000 | (13.000.000) | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 75.902.700 | (75.902.700) | - | - |
| Cộng | 6.885.991.032 | 516.177.466 | 142.269.387.454 | (135.257.128.608) | 13.958.703.992 | 576.631.580 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất như sau:

- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Công ty con là Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa được miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo quy định tại khoản 4 điều 19 và khoản 3 điều 20 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính cho dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty đăng ký năm 2018 là năm đầu tiên hưởng ưu đãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Số cuối năm là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí phát triển thị trường, tăng trưởng | 6.557.123.856 | 4.629.803.247 |
| Chi phí quảng bá, trả thưởng | 6.208.030.628 | 1.186.181.818 |
| Trích trước chi phí vận chuyển | 2.684.705.404 | 600.000.000 |
| Chi phí thuê kho | 39.000.000 | 370.000.000 |
| Chi phí thuê văn phòng | - | 1.620.000.000 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 334.097.819 | 32.511.100 |
| Cộng | <u>15.822.957.707</u> | <u>8.438.496.165</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 3.668.744.568 | 2.399.146.656 |
| Bảo hiểm xã hội | 2.708.807 | 39.461.286 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 2.722.929.320 | 3.210.348.472 |
| Cộng | <u>6.394.382.695</u> | <u>5.648.956.414</u> |

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <i>86.143.955.100</i> | <i>83.502.381.638</i> |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾ | 6.587.442.118 | 26.370.121.864 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾ | 16.822.055.569 | 25.515.137.735 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 24.766.603.073 | 6.996.470.276 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv) | 37.967.854.340 | 24.620.651.763 |
| Cộng | <u>86.143.955.100</u> | <u>83.502.381.638</u> |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn Ngân hàng trong năm như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> |
|---------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 83.502.381.638 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 703.343.971.614 |
| Số tiền vay đã trả | (700.702.398.152) |
| Số cuối năm | <u>86.143.955.100</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Quỹ khen thưởng</u> | <u>Quỹ phúc lợi</u> | <u>Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành</u> | <u>Cộng</u> |
|--|------------------------|---------------------|--|-----------------------|
| Số đầu năm | 13.591.790.501 | 735.179.113 | 640.782.353 | 14.967.751.967 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm trước và năm nay | 27.166.713.205 | 810.294.661 | 383.432.310 | 28.360.440.176 |
| Tăng khác (thu tiền thưởng liên đoàn thưởng bóng đá) | 200.000.000 | - | - | 200.000.000 |
| Chi quỹ trong năm | (2.715.500.000) | (976.499.692) | (1.033.272.190) | (4.725.271.882) |
| Số cuối năm (*) | 38.243.003.706 | 568.974.082 | (9.057.527) | 38.802.920.261 |

(*) Số dư cuối năm của Quỹ thưởng Ban điều hành chi vượt được trình bày tại thuyết minh số V.4a.

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-------------------------------|-----------------------------|------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 13.461.926.218 | 52.097.677.842 | 298.909.765.430 |
| Giảm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận các năm trước | - | - | (3.639.497.937) | 3.639.497.937 | - |
| Trích quỹ thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước | - | - | - | (324.443.728) | (324.443.728) |
| Điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước | - | - | - | (3.372.091.089) | (3.372.091.089) |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 | - | - | - | (53.820.000.000) | (53.820.000.000) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 83.358.981.381 | 83.358.981.381 |
| Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước | - | - | 569.136.973 | (569.136.973) | - |
| Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước | - | - | - | (12.668.347.681) | (12.668.347.681) |
| Số dư cuối năm trước | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 10.391.565.254 | 68.342.137.689 | 312.083.864.313 |
| Số dư đầu năm nay | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 10.391.565.254 | 68.342.137.689 | 312.083.864.313 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 86.618.136.990 | 86.618.136.990 |
| Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay | - | - | - | (19.874.061.254) | (19.874.061.254) |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi các năm trước | - | - | - | (8.102.946.612) | (8.102.946.612) |
| Trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành các năm trước | - | - | - | (383.432.310) | (383.432.310) |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển các năm trước | - | - | 5.167.226.179 | (5.167.226.179) | - |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 | - | - | - | (56.442.000.000) | (56.442.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 230.000.000.000 | 3.350.161.370 | 15.558.791.433 | 64.990.608.324 | 313.899.561.127 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa | 117.300.000.000 | 117.300.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du Lịch Thương mại Nha Trang | 47.110.000.000 | 47.110.000.000 |
| Các cổ đông khác | 65.590.000.000 | 65.590.000.000 |
| Cộng | <u>230.000.000.000</u> | <u>230.000.000.000</u> |

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 vốn điều lệ đã được góp đủ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 230.000.000.000 VND.

18c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 23.000.000 | 23.000.000 |

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận các năm theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ-SKV ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Nghị Quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ-SKV ngày 23 tháng 4 năm 2019 như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> |
|---|----------------------|
| • Chia cổ tức năm 2019 cho các cổ đông | : 56.442.000.000 |
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển các năm trước | : 4.642.539.094 |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi các năm trước | : 8.102.946.612 |
| • Trích quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành các năm trước | : 383.432.310 |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay | : 18.300.000.000 |

Công ty TNHH MTV Cung Ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình số 05/TT-CUVTNL ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> |
|----------------------------------|----------------------|
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | : 524.687.085 |
| • Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | : 1.574.061.255 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm trong năm.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng hóa cho Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh giao dịch bán hàng hàng hóa và thành phẩm cho các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa | 850.327.748.277 | 1.094.930.655.032 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | 429.154.316.781 | 499.216.916.656 |
| Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa | 47.012.167.956 | 18.030.322.604 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | 10.379.722.264 | 9.476.510.865 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 10.019.924.129 | 11.202.408.309 |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN | 6.204.559.866 | 7.295.703.910 |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | 2.488.810.840 | 3.273.773.200 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang | - | 43.107.992.707 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu Hàng bán bị trả lại. | | |
| 3. Giá vốn hàng bán Giá vốn hàng hóa, thành phẩm bán trong năm. | | |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 405.173.773 | 241.070.301 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 44.137.647 | 99.187.872 |
| Cộng | <u>449.311.420</u> | <u>340.258.173</u> |
| 5. Chi phí tài chính | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 6.621.001.566 | 9.312.221.649 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.231.384.907 | 722.899.978 |
| Cộng | <u>7.852.386.473</u> | <u>10.035.121.627</u> |
| 6. Chi phí bán hàng | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí cho nhân viên | 30.226.285.000 | 25.186.195.828 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 125.344.332 | 280.218.560 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 2.621.464.204 | 1.508.522.507 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.057.921.830 | 1.240.323.039 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 77.633.003.686 | 81.791.361.555 |
| Các chi phí khác | 51.028.318.911 | 51.903.004.317 |
| Cộng | <u>162.692.337.963</u> | <u>161.909.625.806</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 42.483.752.368 | 41.633.263.809 |
| Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ | 3.853.023.505 | 2.831.056.137 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 621.947.394 | 571.842.759 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.507.769.302 | 12.577.090.388 |
| Các chi phí khác | 1.196.758.693 | 1.420.046.092 |
| Cộng | <u>59.663.251.262</u> | <u>59.033.299.185</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tài sản thừa nhận kho | 195.407.314 | 159.937.895 |
| Hàng hóa được biếu, tặng | 99.997.000 | - |
| Thu nhập khác | 97.420.109 | 5.156.364 |
| Cộng | <u>392.824.423</u> | <u>165.094.259</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Các khoản bị phạt, bị truy thu | 511.670.096 | 3.309.322 |
| Chi phí khác | - | 266.130.931 |
| Cộng | <u>511.670.096</u> | <u>269.440.253</u> |

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.043.175.298.784 | 1.320.385.364.723 |
| Chi phí nhân công | 260.713.214.381 | 271.195.482.734 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 12.624.537.788 | 12.890.076.417 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 175.460.985.801 | 179.109.600.716 |
| Các chi phí khác | 52.507.523.385 | 98.808.420.409 |
| Cộng | <u>1.544.481.560.139</u> | <u>1.882.388.944.999</u> |

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 86.618.136.990 | 83.358.981.381 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (19.874.061.254) | (18.302.659.305) |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát | - | (614.024.190) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 66.744.075.736 | 64.442.297.886 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 23.000.000 | 23.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>2.902</u> | <u>2.802</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính do điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước trong năm nay (xem thuyết minh số V.18). Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.059 VND xuống còn 2.802 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 373.145.000 | 180.000.000 | 553.145.000 |
| Phó chủ tịch Hội đồng quản trị | 210.000.000 | 332.911.000 | 58.200.000 | 601.111.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 108.700.000 | 103.200.000 | 211.900.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 115.300.000 | 103.200.000 | 218.500.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc | 619.200.000 | 348.947.000 | - | 968.147.000 |
| Phó Giám đốc | 531.000.000 | 307.619.000 | - | 838.619.000 |
| Phó Giám đốc | 531.000.000 | 309.329.000 | - | 840.329.000 |
| Phó Giám đốc | 531.000.000 | 300.639.000 | - | 831.639.000 |
| Trưởng ban Ban kiểm soát | 559.800.000 | 209.591.000 | - | 769.391.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | 67.000.000 | 64.800.000 | 131.800.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | 67.000.000 | 64.800.000 | 131.800.000 |
| Kế toán trưởng | 471.600.000 | 286.001.000 | - | 757.601.000 |
| Cộng | 3.453.600.000 | 2.826.182.000 | 574.200.000 | 6.853.982.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Tiền lương</u> | <u>Thưởng</u> | <u>Thù lao</u> | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--|----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Năm trước | | | | |
| Chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 105.129.000 | 180.000.000 | 285.129.000 |
| Phó chủ tịch Hội đồng quản trị | - | 78.860.000 | 116.400.000 | 195.260.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 24.260.000 | 103.200.000 | 127.460.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị | - | 31.260.000 | 103.200.000 | 134.460.000 |
| Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc | 619.200.000 | 306.575.000 | - | 925.775.000 |
| Phó Giám đốc | 531.000.000 | 262.287.000 | - | 793.287.000 |
| Phó Giám đốc | 531.000.000 | 249.276.000 | - | 780.276.000 |
| Phó Giám đốc | 531.000.000 | 255.160.000 | - | 786.160.000 |
| Trưởng ban Ban kiểm soát | 559.800.000 | 145.360.000 | - | 705.160.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | 24.680.000 | 64.800.000 | 89.480.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | - | 24.680.000 | 64.800.000 | 89.480.000 |
| Kế toán trưởng | 471.600.000 | 242.676.000 | - | 714.276.000 |
| Cộng | 3.243.600.000 | 1.750.203.000 | 632.400.000 | 5.626.203.000 |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|---|
| Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa | Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa | Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang | Cổ đông, sở hữu 20,48% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ |
| Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ | |
|--|---|-----------------|
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ | |
| <i>Giao dịch với các bên liên quan khác</i> | | |
| Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau: | | |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa | | |
| Phải trả tiền mua nguyên liệu, hàng hóa | 51.578.759.625 | 45.031.489.610 |
| Phải trả chi phí gia công | 74.184.950.000 | 107.351.335.000 |
| Chi phí sử dụng dịch vụ vận chuyển | 1.309.090.908 | 1.309.090.908 |
| Chi phí lắp đặt công nghệ nhà yến | 616.522.500 | - |
| Chi phí thuê kho | - | 1.080.000.000 |
| Chi phí mua loa trong nhà | - | 10.319.091 |
| Thanh toán cổ tức năm 2019 | 28.785.420.000 | - |
| Thanh toán cổ tức năm 2018 | - | 27.448.200.000 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa | | |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 152.813.804.025 | 35.533.043.710 |
| Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa | | |
| Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa | 1.995.990.086 | 2.431.107.255 |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist | | |
| Phải trả chi phí dịch vụ, vận chuyển | 38.625.454 | 2.274.127.274 |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam | | |
| Công ty mua nhiên liệu | 10.018.576.190 | 14.840.767.834 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang | | |
| Thanh toán cổ tức năm 2018 | - | 3.769.740.000 |
| Thanh toán cổ tức năm 2019 | 11.560.794.000 | - |
| Công ty mua hàng hóa | 38.945.455 | 1.260.978.343 |
| Công ty thuê nhà | 54.545.454 | 109.090.908 |
| Chi phí phát triển thị trường | - | 909.090.909 |
| Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa | | |
| Thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ | 19.599.091 | 34.909.091 |

Ngoài ra, Công ty mẹ là Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.16).



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4a, V.10.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

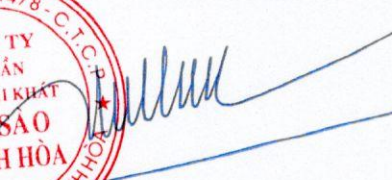
Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật